TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **189**/2023/KDTM-ST
Ngày: 24/02/2023
V/v tranh chấp giữa công ty và người quản lý công ty

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông **Lê Công Toại**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Văn Cảm**

2. Bà **Lê Thanh Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Thị Thu Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Trần Anh Tuấn**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 36/2018/TLST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp giữa công ty và người quản lý công ty" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6369/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 6450/2023/QĐST-KDTM ngày 10/01/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 61/2023/QĐST-KDTM ngày 07/02/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH L**
Địa chỉ: A Đường P, phường Đ, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Bùi Ngọc H**, sinh năm 1976; Căn cước công dân số 075076018310 do Cục trưởng Cục Cảnh sát cấp ngày 31/8/2021
Địa chỉ liên lạc: 11A-11C Đường P, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Giấy ủy quyền ngày 15/11/2017)

- *Bị đơn:* **Ông Đào Mạnh H1**, sinh năm 1982; Căn cước công dân số 030082005477 do Cục trưởng Cục Cảnh sát cấp ngày 22/8/2017;
Địa chỉ: 2 Đường T, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Trung T,** sinh năm 1971; Chứng minh nhân dân số 280453610 do Công an tỉnh B cấp ngày 06/01/2019;

Địa chỉ liên lạc: Số C Đường số B Khu dân cư H, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
(theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/9/2019 tại Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh)

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 15/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn trình bày như sau:

Công ty TNHH L (sau đây gọi tắt là LCT/Nguyên đơn) được thành lập vào năm 2016, mã số doanh nghiệp 0313959147, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký lần đầu ngày 10/8/2016, chủ sở hữu, giám đốc người đại diện theo pháp luật của LCT là ông Đào Mạnh H1 (sau đây gọi tắt là Bị đơn).

Trong quá trình hoạt động, LCT có đăng ký và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 15/9/2016.

Ngày 24/11/2016 ông H đã chuyển nhượng toàn bộ LCT cho Công ty L1. Ltd - Quốc tịch S (gọi tắt là LCG). Thời điểm này chủ sở hữu của LCT là LCG, nhưng ông H vẫn tiếp tục làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật của LCT theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 25/01/2017.

Ngày 19/8/2017 L đã thay đổi giám đốc, người đại diện theo pháp luật từ ông Đào Mạnh H1 sang ông Paul J F theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 19/8/2017.

Từ ngày 23/4/2019 đến nay, LCT đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến lần thứ 6, có địa chỉ trụ sở mới tại số A P, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật và giám đốc của LCT vẫn là ông Paul Jonathan F.

Sau khi ông H nghỉ việc, LCT kiểm tra sổ sách thì phát hiện, trong khoảng thời gian từ tháng 2/2017 đến tháng 9/2017 khi ông H làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật của LCT, ông H đã bán lỗ hàng hóa của LCT, gây thiệt hại lớn cho công ty. Hàng hóa là thép tấm cán nóng và thép cuộn cán nóng với số lượng là 6.975.360 kg, thành tiền 6.828.396.537 đồng.

Cụ thể, ông H mua vào với giá cao (từ 11.074 đồng đến 11.750 đồng/kg) nhưng bán ra với giá bán thấp (từ 11.273 đồng đến 11.450 đồng/kg) dẫn đến công ty bị thua lỗ. Trong khi cũng tại thời điểm đó ông H bán cho đơn vị khác thì bán giá cao (từ 11.600 đồng đến 12.850 đồng/kg), thể hiện qua các hợp đồng mua bán thép như sau:

Ông Đào Mạnh H1 đại diện cho L ký hợp đồng về việc thỏa thuận mua bán thép với Tổng công ty T2 như sau:

1) Hợp đồng mua bán số B03/2016/HDKT ngày 24/11/2016. Đơn giá 11.074 đồng/kg (theo đơn đặt hàng ngày 24/3/2017);

2) Hợp đồng mua bán số B04/2017/HDKT ngày 12/01/2017. Đơn giá 11.670 đồng/kg (theo đơn đặt hàng ngày 12/01/2017);

3) Hợp đồng mua bán số B05/2017/HDKT ngày 14/02/2017. Đơn giá 11.750 đồng/kg (theo đơn đặt hàng ngày 14/02/2017).

Sau đó, ông Đào Mạnh H1 đại diện cho L ký hợp đồng mua bán thép cho Công ty TNHH L và Công ty TNHH L thông qua 11 hợp đồng mua bán sau đây:

1) Hợp đồng mua bán số 01-2017/LCT-LDS ngày 22/02/2017. Đơn giá 10.909 đồng/kg;

2) Hợp đồng mua bán số 02-2017/LCT-LDS ngày 04/4/2017. Đơn giá 10.909 đồng/kg;

3). Hợp đồng mua bán số 03-2017/LCT-XUHA ngày 22/02/2017. Đơn giá 10.909 đồng/kg;

4) Hợp đồng mua bán số 05-2017/LCT-XUHA ngày 19/4/2017. Đơn giá 10.273 đồng/kg;

5) Hợp đồng mua bán số 06-2017/LCT-XUHA ngày 26/4/2017. Đơn giá 10.091 đồng/kg;

6) Hợp đồng mua bán số 07-2017/LCT-XUHA ngày 20/6/2017. Đơn giá 10.000 đồng/kg;

7) Hợp đồng mua bán số 07.1-2017/LCT-XUHA ngày 28/6/2017. Đơn giá 11.000 đồng/kg;

8) Hợp đồng mua bán số 08-2017/LCT-XUHA ngày 29/6/2017. Đơn giá 10.182 đồng/kg;

9) Hợp đồng mua bán số 09-2017/LCT-XUHA ngày 29/6/2017. Đơn giá 10.182 đồng/kg;

10) Hợp đồng mua bán số 10-2017/LCT-XUHA ngày 20/7/2017. Đơn giá 11.136 đồng/kg;

11) Hợp đồng mua bán số 11-2017/LCT-XUHA ngày 14/8/2017. Đơn giá 11.455 đồng/kg.

LCT đã giao đầy đủ hàng hóa với số lượng 6.975.360 kg, thành tiền là 80.727.903.787 đồng, nhưng Công ty L và Công ty L chỉ thanh toán 74.556.624.000 đồng, hiện Công ty L còn nợ số tiền 6.171.279.787 đồng.

Tại thời điểm bán ra cho Công ty L và Công ty L, ông H vẫn bán giá cao cho đơn vị khác sau đây:

1) Công ty TNHH L theo hợp đồng số 01-2017/LCT-Toàn Thiên ngày 07/8/2017, đơn giá 11.636,36 đồng/kg;

2) Công ty TNHH L theo hợp đồng số 01-2017/NAMVIET ngày 15/8/2017, đơn giá 12.850 đồng/kg;

3) Công ty TNHH L theo hợp đồng số 01-2017/LCT-TQT ngày 29/6/2017, đơn giá 11.600 đồng/kg.

Căn cứ vào giá mua, giá bán, chênh lệch giá nhân với số lượng hàng hóa đã bán là 6.975.360 kg, xác định được thiệt hại mà ông H đã gây ra cho LCT là 6.828.396.537 đồng.

Với tư cách là người quản lý doanh nghiệp, lẽ ra ông H phải thực hiện nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và chủ sở hữu được quy định tại Điều 14 và Điều 83 của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Tuy nhiên, ông H đã không hoàn thành tốt nghĩa vụ được giao, đi ngược lại chủ trương, chính sách của công ty, ông H tự ý bán lỗ hàng hóa của LCT mà không có bất kỳ sự chấp thuận nào bằng văn bản của chủ sở hữu, đã gây thiệt hại cho công ty với số tiền là 6.828.396.537 đồng. Đến nay, ông H vẫn chưa bồi thường cho LCT bất kỳ khoản tiền nào. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, LCT khởi kiện yêu cầu ông Đào Mạnh H1 bồi thường toàn bộ thiệt hại cho LCT do bán lỗ hàng hóa với số tiền là 6.828.396.537 đồng, yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện Bị đơn trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn với lý do như sau:

1. Nguyên đơn cho rằng Bị đơn đã không hoàn thành tốt nghĩa vụ được giao và đã đi ngược lại chủ trương, chính sách của công ty, gây thiệt hại cho công ty với số tiền là 6.828.396.537 đồng. Lập luận này của Nguyên đơn là không phù hợp và hoàn toàn không có căn cứ, bởi lẽ:

- Thứ nhất, để đánh giá Bị đơn có hoàn thành tốt nghĩa vụ được giao hay không thì Nguyên đơn phải chứng minh được rằng Nguyên đơn đã có ban hành quy chế, quy định cụ thể về tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động, làm cơ sở để đánh giá người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ như sau: *"Người sử dụng lao động phải quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của doanh nghiệp, làm cơ sở đánh giá người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ do người sử dụng lao động ban hành*

sau khi có ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở". Trong trường hợp này, Nguyên đơn không đưa ra được bằng chứng về việc LCT đã có ban hành quy chế, quy định cụ thể về tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động và cam kết của ông H đối với quy chế, quy định đó.

- Thứ hai, Nguyên đơn cho rằng Bị đơn đã đi ngược lại chủ trương, chính sách của công ty, gây thiệt hại cho công ty. Tuy nhiên, Nguyên đơn không nêu ra được chủ trương, chính sách của công ty cụ thể là như thế nào, mà lại quy kết rằng Bị đơn đã đi ngược lại chủ trương, chính sách của công ty là hoàn toàn không có căn cứ.

2. Nguyên đơn cho rằng Bị đơn vi phạm quy định pháp luật, cụ thể vi phạm Điều 14 Luật Doanh nghiệp năm 2014 về trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Đối chiếu điều luật, nhận thấy rằng ông H không vi phạm bất kỳ quy định nào của điều luật này và Nguyên đơn cũng không chỉ ra được ông H đã vi phạm khoản nào của Điều 14 Luật Doanh nghiệp. Do đó Nguyên đơn cho rằng ông H vi phạm pháp luật và yêu cầu ông H bồi thường là không phù hợp và hoàn toàn không có căn cứ.

3. Nguyên đơn cho rằng ông H tự ý bán hàng với giá thấp hơn giá mua vào mà không có sự chấp thuận nào của chủ sở hữu công ty, lập luận này là không phù hợp, bởi lẽ ông H là người đại diện theo uỷ quyền của chủ đầu tư, là giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty nên ông H được toàn quyền quyết định đối với việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Điều này phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 64 Luật Doanh nghiệp năm 2014, giám đốc Công ty TNHL được quyền "Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty". Vì vậy, Nguyên đơn cho rằng ông H phải có sự chấp thuận của chủ sở hữu trong việc quyết định giá bán hàng, là không phù hợp.

4. Nguyên đơn cho rằng Bị đơn đã không làm tròn trách nhiệm của mình thông qua việc bán hàng cho 03 khách hàng là Công ty L; Công ty L và Công ty L với giá cao, nhưng lại bán cho Công ty L và Công ty L với giá thấp hơn là gây thiệt hại cho công ty. Lập luận này của Nguyên đơn là không phù hợp, bởi vì tại cùng một thời điểm, việc bán cho công ty này với giá cao hơn và bán cho công ty khác với giá thấp hơn cũng là điều hết sức bình thường trong hoạt động kinh doanh, bởi lẽ việc quyết định giá bán cho mỗi khách hàng sẽ phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: mối quan hệ giữa công ty với từng khách hàng (ví dụ: khách hàng thân thiết, khách hàng có kế hoạch thanh toán tốt thì có thể bán với giá tốt hơn khách hàng mới, khách hàng thanh toán chậm; khách hàng mua sỉ thì giá bán khác với khách hàng mua lẻ; số lượng đặt mua nhiều hay ít); áp lực về dòng tiền (cần thu hồi, quay vòng vốn nhanh); áp lực về lãi vay, về bồi thường hợp đồng; biến động về giá của thị trường sắt thép nói chung (nếu thị trường đang có xu hướng xuống giá thì cần bán sớm để cắt lỗ); áp lực về giải phóng hàng tồn kho… Cụ thể, tại thời điểm bán hàng cho Công ty L và Công ty L thì LCT đang

có lượng hàng tồn kho là hơn 10.000 tấn thép. Trong khi đó, áp lực về việc phải nhận hàng và thanh toán cho lô hàng mới mà LCT đã đặt mua trước đó từ Tổng công ty T3 rất lớn. Nếu không xoay xở kịp dòng tiền thì khả năng LCT phải chịu phạt hợp đồng đối với Tổng công ty T3 điều chắc chắn. Vì vậy, không thể so sánh ngang hàng giữa việc bán cho 03 khách hàng là Công ty L; Công ty L và Công ty L với việc bán cho 02 công ty là Công ty L và Công ty L để cho rằng ông H đã gây thiệt hại cho LCT.

Ngày 03/6/2019 Bị đơn - ông Đào Mạnh H1 có đơn yêu cầu phản tố với nội dung như sau:

Ông H là đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu Công ty TNHH L, làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật của LCT từ tháng 01/2017. Vào ngày 19/8/2017 LCT tự ý thay đổi người đại diện theo pháp luật, chấm dứt vai trò quản lý của ông H đối với LCT mà không có lý do, không thông báo trước, là hành động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012.

Do công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, vi phạm thời hạn báo trước nên căn cứ Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012, LCT phải thanh toán và bồi thường cho ông H các khoản tiền sau đây:

- Thanh toán cho ông H tiền lương của 08 tháng làm việc tại LCT nhưng chưa được nhận lương, từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2017, với số tiền là: 120.000.000 đồng/tháng * 08 tháng = 960.000.000 đồng;

- Bồi thường cho ông H một khoản tiền tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không được báo trước là 45 ngày: 120.000.000 đồng/23 ngày * 45 ngày = 234.782.609 đồng;

- Bồi thường cho ông H một khoản tiền tương ứng với tối thiểu 02 tháng tiền lương với số tiền là 120.000.000 đồng/tháng * 02 tháng = 240.000.000 đồng (căn cứ khoản 3 Điều 42 BLLĐ 2012).

Tổng cộng số tiền yêu cầu là 1.434.782.609 đồng.

Ngày 05/12/2022 Bị đơn có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa:

- *Đại diện Nguyên đơn:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Công ty TNHH L là Công ty TNHH Một thành viêL do ông Đào Mạnh H1 là chủ sở hữu duy nhất. Năm 2016, sau khi ông H chuyển nhượng toàn bộ LCT cho L2. Ltd - Quốc tịch S (gọi tắt là LCG) thì công ty chỉ thay đổi chủ sở hữu là LCG, nhưng ông H vẫn được tiếp tục làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật của LCT thể hiện bằng T1 bổ nhiệm làm người đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư-chủ tịch công ty kể từ ngày 24/11/2016, LCG không có ban hành nghị quyết hay quyết định phân công cụ thể quyền hạn, trách nhiệm quản lý LCT cho ông

Đào Mạnh H2 Tuy nhiên ông H vẫn không được quyền quyết định tất cả, khi thực hiện công việc bắt buộc ông H phải hỏi ý kiến của chủ sở hữu.

Với trách nhiệm là giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty, ông H phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty. Tuy nhiên ông H không làm tròn trách nhiệm của mình bán lỗ hàng hóa, không thông qua chủ sở hữu, không có sự chấp thuận nào của chủ sở hữu công ty, tự ý bán hàng với giá thấp hơn giá mua vào đã gây thiệt hại cho Công ty L, vi phạm Điều 14, Điều 83 Luật Doanh nghiệp 2014. Do đó ông H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do bán lỗ hàng hóa của LCT với số tiền là 6.828.396.537 đồng, yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Đại diện Bị đơn trình bày:* Sau khi ông H chuyển nhượng toàn bộ LCT cho L2. Ltd thì chủ sở hữu là LCG có Thư bổ nhiệm ông H làm đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư-chủ tịch công ty, do công ty có một thành viên nên ông H tự bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật của LCT là ông Đào Mạnh H1 với thời hạn 05 năm kể từ ngày 24/11/2016. Trong thời gian làm việc ông H vẫn thực hiện tốt trách nhiệm, quyền hạn của mình theo đúng quy định Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp năm 2014. Đến ngày 19/8/2017 LCT tự ý thay đổi người đại diện theo pháp luật, chấm dứt vai trò quản lý của ông H đối với LCT mà không có lý do và không thông báo trước, đây là hành động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Sau đó LCT khởi kiện cho rằng ông H gây thiệt hại cho công ty và yêu cầu bồi thường. Nguyên đơn cho rằng ông H phải có sự chấp thuận của chủ sở hữu trong việc quyết định giá bán hàng, là không đúng, không có căn cứ. Căn cứ khoản 2 Điều 14 Điều lệ công ty thì ông H được quyền quyết định tất cả hoạt động của công ty, đồng thời chủ sở hữu là LCG cũng không ban hành nghị quyết hay quyết định phân công cụ thể quyền hạn, trách nhiệm người quản lý, không có chủ trương chính sách, không có quy chế đánh giá người lao động hoàn thành nhiệm vụ. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh cụ thể ông H đã gây thiệt hại cho công ty, trong khi vấn đề cần lưu ý là Công ty L mua hàng hóa vào với nhiều hợp đồng, với nhiều đơn giá khác nhau, cũng có giá cao, giá thấp và khi tính toán thiệt hại thì Nguyên đơn chỉ lựa chọn hợp đồng mua giá cao và hợp đồng bán giá thấp để kết luận Bị đơn gây thiệt hại là không chính xác và từ đó khởi kiện Bị đơn là không có căn cứ. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

+ Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, có nội dung chính như sau:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận việc Bị đơn rút yêu cầu phản tố và đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của Bị đơn theo quy định pháp luật;

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH L khởi kiện ông Đào Mạnh H1 yêu cầu bồi thường thiệt hại trong thời gian ông H làm giám đốc quản lý công ty, đây là tranh chấp giữa công ty với người quản lý công ty thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 4 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[II]. Về nội dung:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/12/2022 Bị đơn có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn xác định Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố, xét việc rút yêu cầu phản tố của Bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của Bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 và hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cho rằng trong thời gian ông Đào Mạnh H1 làm giám đốc; người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH L, ông H bán lỗ hàng hóa gây thiệt hại cho LCT với số tiền 6.828.396.537 đồng, yêu cầu ông H phải bồi thường lại toàn bộ số tiền này cho công ty. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 15/9/2016 thì Công ty TNHH L , mã số doanh nghiệp C1, chủ sở hữu, giám đốc, người đại diện theo pháp luật là ông Đào Mạnh H2

Ngày 24/11/2016 ông Đào Mạnh H1 chuyển nhượng toàn bộ LCT cho L2. Ltd - Quốc tịch S (gọi tắt là LCG).

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 25/01/2017 thì Công ty

TNHH L , chủ sở hữu là L2. Ltd, giám đốc, người đại diện theo pháp luật là ông Đào Mạnh H2

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 19/8/2017 thì Công ty TNHH L , chủ sở hữu là L2. Ltd, giám đốc, người đại diện theo pháp luật là ông Paul Jonathan F1.

Ông Đào Mạnh H1 được bổ nhiệm làm người đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư-chủ tịch công ty, theo T1 bổ nhiệm ngày 24/11/2016, nhiệm kỳ là 05 năm kể từ ngày 24/11/2016. Sau đó ông H tự bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật, giám đốc quản lý điều hành Công ty TNHH L . Căn cứ lời trình bày của đại diện Nguyên đơn, đại diện Bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ do Nguyên đơn cung cấp và tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn xác định Công ty TNHH L không có ban hành nghị quyết hay quyết định phân công cụ thể quyền hạn, trách nhiệm quản lý LCT cho ông Đào Mạnh H1, cũng như không có thỏa thuận nào ràng buộc về trách nhiệm giữa doanh nghiệp và ông H2 Sau khi ông H nghỉ việc tại công ty, qua kiểm tra sổ sách phát hiện ông H kinh doanh bị thua lỗ gây thiệt hại cho công ty. Công ty L căn cứ vào các hợp đồng kinh tế, xác định giá trị thua lỗ để khởi kiện ông H, ngoài ra LCT không cung cấp được thỏa thuận hay tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh LCT có ràng buộc nghĩa vụ đối với ông H khi thực hiện hoạt động kinh doanh phải có ý kiến của chủ sở hữu là L2. Ltd., và chưa có căn cứ xác định được số tiền thiệt hại theo Nguyên đơn yêu cầu là chính xác, do cùng một thời điểm thì việc mua bán hàng hóa của công ty với giá cao hay giá thấp còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chiến lược kinh doanh của công ty, sự biến động, áp lực của thị trường mà công ty sẽ gặp phải. Do đó, không thể đơn thuần là lấy giá mua hàng hóa trừ giá bán hàng hóa để xác định người quản lý công ty gây thiệt hại cho công ty để làm cơ sở buộc trách nhiệm bồi thường người quản lý công ty theo yêu cầu của Nguyên đơn. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền do yêu cầu của Nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH L đòi ông Đào Mạnh H1 bồi thường số tiền 6.828.396.537 (*Sáu tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi bảy*) đồng.

2/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Đào Mạnh H1 đối với Công ty TNHH L .

3/ Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH L phải chịu án phí sơ thẩm là 114.828.000 (*Một trăm mười bốn triệu tám trăm hai mươi tám nghìn*) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.414.000 (*Năm mươi bảy triệu bốn trăm mười bốn nghìn*) đồng, theo Biên lai thu số TU/2016/0007764 ngày 06/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nguyên đơn còn phải nộp thêm số tiền 57.414.000 (*Năm mươi bảy triệu bốn trăm mười bốn nghìn*) đồng; Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí (yêu cầu phản tố) cho ông Đào Mạnh H1 27.521.739 (*Hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi chín*) đồng, theo Biên lai thu số AA/2018/0025894 ngày 14/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Toại